

Số: /CĐSP-TTKT,TS&DVGD

Nam Định, ngày tháng 6 năm 2025

V/v Báo cáo các nội dung thực hiện quy chế công khai đối với trường CĐSP Nam Định theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

Kính gửi:

- Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định

Theo quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo),

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định kính gửi quý cơ quan Báo cáo thường niên năm 2025 của nhà trường theo mẫu Phụ lục II đối với cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TT KT-TS&DVGD

HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Hiên

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

*(Thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tên Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.
- Tên Tiếng Anh: Nam Dinh teachers' training college.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trường: Số 813, đường Trường Chinh, Thành phố Nam Định.
- Thông tin liên hệ: Điện thoại 02283648351

E-mail: Webcdspnd@gmail.com Website: <http://cdspnd.edu.vn>.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

- Loại hình cơ sở giáo dục: công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo của tỉnh Nam Định có nhiệm vụ đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng giáo dục mầm non; đồng thời liên kết đào tạo trình độ đại học cho giáo viên và cán bộ quản lý các cấp; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực giáo dục có chất lượng cao của tỉnh Nam Định, tiến tới xây dựng trường trở thành trường trọng điểm của tỉnh và vùng Nam đồng bằng sông Hồng về đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng giáo dục mầm non chất lượng cao.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường CĐSP Nam Định tiền thân là Trường Sư phạm cấp II liên tỉnh, được thành lập ngày 30 tháng 6 năm 1960 tại Nam Định theo Quyết định số 267/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

Từ năm 1960 đến 1978, nhà trường đào tạo giáo viên cấp I, cấp II hệ trung cấp cho tỉnh Nam Định và các tỉnh lân cận. Nhà trường bắt đầu đào tạo bậc CĐSP từ năm 1978 theo Quyết định số 164/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1978 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 1997, sau khi tách tỉnh, trường bắt đầu mang tên trường CĐSP Nam Định.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: ThS. Trần Ngọc Hiên.

Chức vụ: Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng.

Địa chỉ làm việc: Số 813 đường Trường Chinh, phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Điện thoại: 0912.283.189.

Địa chỉ thư điện tử: tnhien@moet.gov.vn.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 164/TTg ngày 21/3/1978 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định, nhiệm kỳ 2022-2027.

Chủ tịch Hội đồng trường: Ths. Trịnh Thị Quỳnh.

Danh sách thành viên Hội đồng trường:

1. Bà Trịnh Thị Quỳnh, Chủ tịch Hội đồng;
2. Ông Phạm Văn Chinh, Thư kí Hội đồng;
3. Ông Trần Ngọc Hiên, Ủy viên;
4. Ông Lê Xuân Đông, Ủy viên;
5. Bà Lê Thị Thanh Hà, Ủy viên;
6. Bà Bùi Thị Thanh Thủy, Ủy viên;
7. Ông Nguyễn Văn Long, Ủy viên;

8. Bà Triệu Quỳnh Trang, Ủy viên;
9. Bà Trần Thị Huệ, Ủy viên;
10. Bà Nguyễn Thị Hoài Thu, Ủy viên;
11. Ông Phạm Quang Khải, Ủy viên;
12. Ông Trần Hữu Khánh, Ủy viên;
13. Bà Phạm Thị Long Quân, Ủy viên;
14. Bà Vũ Thị Hồng Giang, Ủy viên;
15. Ông Bùi Anh Tuấn, Ủy viên.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng: Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc bổ nhiệm lại vị trí Hiệu trưởng trường CDSP Nam Định.

Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc bổ nhiệm lại vị trí Phó Hiệu trưởng trường CDSP Nam Định.

Tháng 12/2019, Phó Hiệu trưởng nhà trường chuyển công tác sang Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Quy chế tổ chức và hoạt động: Quyết định số 01/QĐ-CDSP ngày 02/01/2023 của Hiệu trưởng trường CDSP Nam Định.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường: Đã được đăng trên Website trường theo địa chỉ <http://cdspnd.edu.vn>.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

Quyết về việc thành lập các đơn vị Phòng, Khoa, Trung tâm thuộc Trường: Quyết định số 06/QĐ-CDSP ngày 02/01/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

1. Ông: Trần Ngọc Hiên.

Chức vụ: Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng.

Địa chỉ làm việc: Số 813 đường Trường Chinh, phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Điện thoại: 0912.283.189.

Địa chỉ thư điện tử: tnhien@moet.gov.vn.

2. Bà: Trịnh Thị Quỳnh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng trường

Địa chỉ làm việc: Số 813 đường Trường Chinh, phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Điện thoại: 0945.561.098.

Địa chỉ thư điện tử: ngocquynh2225@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tổ chức và hoạt động và các nghị quyết của hội đồng trường: Được đăng công khai trên địa chỉ <http://cdspnd.edu.vn> của nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	15	15
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	100	100
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	4	5

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
	Lĩnh vực A	77	3	71	3	0	0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
	Lĩnh vực A	77	3	71	3	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁸

TT	Chỉ số	Năm 2025	Năm 2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	02	03
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	6	6
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	9	10

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Diện tích đất/người học (m ²)	28.004,5/306	28.0004,5/350
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	6.091/306	6.091/350
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	1.351/87	1.351/87
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	95/1	95/1
5	Số bản sách/người học	372/306	372/350
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	32/68	32/68
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	400/0,306	400/0,350

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	813 Trường Chinh, Phường Quang Trung, TP Nam Định	28.004,5	5.844
2	Cơ sở ...	Không		
3	Phân hiệu...	Không		
	...			
Tổng cộng				

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm:

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà: Không		
2	Nâng cấp tòa nhà: 02	Nhà A5; KTX	200
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm: Không		

4	Nâng cấp phòng thí nghiệm: Không		
	...		
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):

Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
(VNE - CEA)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ tiêu chuẩn 10 tiêu chuẩn, 55 tiêu chí theo Văn bản hợp nhất 08/VBHN-BGDĐT ngày 4/3/2014.

- Mức độ đạt kiểm định: 80%

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá, đăng kí kiểm định chất lượng chu kì 2 và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tiến hành khảo sát sơ bộ vào ngày 6/5/2025; khảo sát chính thức từ ngày 16-19/5/2025.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1					
2					
...					

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	82.07	56.49
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	0.771	-0.022
3	Tỉ lệ thôi học	3.13	3.52
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	2.44	5.15
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	1.90	1.85
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	1.90	1.85
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	100	100
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	93.98	84.39

9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	87.74	80.30
---	--	-------	-------

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm 2024

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Cao đẳng				
1	Khoa học GD và đào tạo giáo viên	565	364	106	
	Chính quy	396	240	58	82.76
	Vừa làm vừa học	169	124	48	93.75
	Đào tạo từ xa	0	0	0	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0	0
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,62	0,47
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0	0

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	0	0
3	Đề tài cấp cơ sở	2	
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	2	

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2025	Năm 2024
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	23	22
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	0	0

3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	5 sách	3 sách
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	2,27	10,98
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0,97	0,56

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2023 (Triệu đồng)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	27.219	28.424
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	25.462	24.363
II	Thu giáo dục và đào tạo	1.752	4.051
1	Học phí, lệ phí từ người học	496	181
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	1.256	3.870
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	5	10
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	27.219	28.424
I	Chi lương, thu nhập	15.994	18.381
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	15.994	18.381
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1.854	2.299

1	Chi cho đào tạo	283	258
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	1.517	2.041
III	Chi hỗ trợ người học	7.999	3.700
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	7.999	3.700
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	1.372	4.044
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	0	0

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên và đóng dấu)

Trần Ngọc Hiền